

Bản án số: 20/2019/HNGĐ – ST
Ngày: 03 – 5 – 2019
V/v: Tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG ĐIỀN, TỈNH BÀ RỊA-VŨNG TÀU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Kim Danh

2. Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Quỳnh Như – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Điền.

- Đại diện Viện kiểm sát huyện Long Điền tham gia phiên tòa: Bà Mai Thiên Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 242/2018/TLST – HNGĐ ngày 26 tháng 6 năm 2018. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2019/QĐXXST – HNGĐ ngày 27/3/2019, Quyết định hoãn phiên tòa số 16/QĐST – HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

+ *Nguyên đơn:* Bà Liên Kim T, sinh năm 1994 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 3 Ô 1/17 khu phố H, thị trấn P, huyện Đ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ *Bị đơn:* Ông Lê Văn Th, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số 1/49 ấp A, xã AN, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và lời trình bày của bà Liên Kim T tại Tòa án:

Bà Liên Kim T và ông Lê Văn Th quen nhau được một thời gian thì tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND xã AN, huyện LĐ, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu vào ngày 09/4/2015. Bà T cho rằng vợ chồng chung sống với nhau chỉ hạnh phúc thời gian đầu, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hòa hợp, vợ chồng thường mâu thuẫn với nhau về lời ăn, tiếng nói, quan

điểm sống. Ông, bà đã ly thân từ đầu năm 2017 đến nay. Nay bà T cho rằng tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Th.

Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, Tòa án nhân dân huyện Long Điền đã tiến hành triệu tập hợp lệ ông Lê Văn Th để lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông Th vẫn cố tình vắng mặt, không tới Tòa án làm việc. Theo sự xác nhận của UBND xã AN, huyện LD thì ông Lê Văn Th hiện đang cư trú tại tổ 1/49 ấp A, xã AN, huyện LD. Bà T và ông Th có đăng ký kết hôn tại UBND xã AN vào ngày 09/4/2015. Ông Th và bà T đã sống ly thân từ tháng 02/2017.

Tòa án đã tiến hành niêm yết và tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa tại Ủy ban nhân dân xã AN và tại nhà ông Lê Văn Th tại số 1/49 ấp A, xã AN, huyện LD nhưng ông Th cũng không đến Tòa án làm việc nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và có đơn xin xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Điền:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là chưa thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, thời gian giải quyết vụ án là chậm kể từ khi thụ lý đến khi xét xử là chưa tuân theo đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà T vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Th đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình; Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông Th; Về con chung: Bà T xác nhận vợ chồng không có con chung; Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không có yêu cầu nên không xem xét, giải quyết; Về án phí: Bà T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ông Lê Văn Th có hộ khẩu thường trú và hiện cư trú tại xã AN, huyện LD. Bà Liên Kim T yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn

Th là tranh chấp về hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình về việc giải quyết vụ án và có đơn xin xét xử vắng mặt; Bị đơn ông Lê Văn Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham dự phiên tòa sơ thẩm nhưng vẫn vắng mặt nên Tòa án căn cứ vào Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua thời gian quen biết và tìm hiểu nhau, đồng thời được sự đồng ý của hai bên gia đình, bà Liên Kim T và ông Lê Văn Th tự nguyện tiến tới hôn nhân, vợ chồng có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã AN, huyện LD vào ngày 09/4/2015 theo trích lục kết hôn số 97/TLKH-BS ngày 29/5/2018. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc nhưng sau này phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, không có lòng tin yêu, tôn trọng lẫn nhau dẫn đến vợ chồng sống ly thân từ tháng 2/2017. Bà T về chung sống với cha mẹ ruột tại huyện Đ. Hai bên không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho ông Th nhưng ông Th không đến Tòa án làm việc, không có biện pháp gì để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà T, ông Th đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy, cần áp dụng các điều 51, 56 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T được ly hôn với ông Th.

[3] Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông Th không có con chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Liên Kim T về việc “tranh chấp ly hôn” với ông Lê Văn Th.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Liên Kim T được ly hôn với ông Lê Văn Th.

2. Về con chung: Bà Liên Kim T xác nhận bà và ông Lê Văn Th không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Liên Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Liên Kim T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Liên Kim T phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được

khấu trừ vào số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0002568 ngày 22/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Long Điền, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu. Như vậy, bà Liên Kim T đã nộp xong án phí.

Trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử phúc thẩm. (Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND huyện Long Điền;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Điền;
- Các đương sự;
- UBND xã AN, huyện LD (số ĐKHH 07 ngày 09/4/2015)
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký và đóng dấu)

Trần Thị Nhung